

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2015

 Hà Nội – tháng 11 năm 2015 

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.053.621.286.634	644.519.908.096
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.273.017.064	11.452.072.713
1. Tiền	111	5.1	25.273.017.064	11.452.072.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	64.706.095.834	8.882.031.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		64.707.933.349	9.748.601.005
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.837.515)	(866.570.005)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		800.945.192.117	534.266.179.154
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	591.103.331.638	259.035.877.933
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		83.781.416.817	95.393.587.723
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.000.000.000	39.192.100.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	121.060.443.662	140.644.613.498
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	150.684.362.133	87.445.069.914
1. Hàng tồn kho	141		150.684.362.133	87.445.069.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.012.619.486	2.474.555.315
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	4.109.090.775	119.529.330
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.896.394.598	2.352.340.875
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		7.134.113	2.685.110
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		473.239.795.981	437.125.637.974
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		237.598.717.143	226.065.697.261
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	237.535.383.817	225.987.363.932
- Nguyên giá	222		285.829.263.275	258.249.474.197
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(48.293.879.458)	(32.262.110.265)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	63.333.326	78.333.329
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(36.666.674)	(21.666.671)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.128.078.592	1.361.401.174
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.128.078.592	1.361.401.174
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	200.370.445.887	203.912.890.759
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		72.270.445.887	116.912.890.759
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		128.100.000.000	87.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.142.554.359	5.785.648.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	4.142.554.359	5.785.648.780
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.526.861.082.615	1.081.645.546.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 01-DN/HN

Ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		617.352.209.718	215.722.087.610
I. Nợ ngắn hạn	310		617.352.209.718	215.722.087.610
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	266.864.024.726	154.438.469.747
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.681.462.796	7.192.153.352
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	22.105.572.025	18.050.983.779
4. Phải trả người lao động	314		1.428.480.430	829.397.146
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	2.765.478.913	66.536.635
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	17.482.586.585	4.462.658.762
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	284.024.604.243	30.681.888.189
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		909.508.872.897	865.923.458.460
I. Vốn chủ sở hữu	410		909.508.872.897	865.923.458.460
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.14	748.000.000.000	680.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	680.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.14	89.310.455.528	115.156.907.337
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.002.522.360	27.624.686.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.307.933.168	87.532.221.313
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		72.198.417.369	70.766.551.123
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.526.861.082.615	1.081.645.546.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 9 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/9/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ		-	-
3. Ngoại tệ các loại USD		920,11	1.236,41
4. Kim khí quý, đá quý		-	-
5. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2015



Tạ Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2015

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	711.618.774.231	140.476.443.494	1.600.748.825.714	343.328.364.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	96.535.046	21.936.900	157.074.025
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		711.618.774.231	140.379.908.448	1.600.726.888.814	343.171.290.750
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	687.845.739.728	131.607.382.957	1.564.302.892.403	306.226.950.030
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20	6.3	23.773.034.503	8.772.525.491	36.423.996.411	36.944.340.720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		12.051.655.806	45.055.091.467	33.172.400.027	63.017.150.768
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	1.334.901.457	252.250.738	3.991.597.099	1.483.547.284
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		393.320.058	207.700.388	2.603.906.822	370.433.889
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.114.990.903)	(177.742.592)	(162.455.228)	(844.874.431)
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	3.121.859.758	1.121.497.689	4.932.230.080	2.342.553.045
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	3.695.055.100	2.638.454.372	10.371.459.543	7.107.264.332
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	6.5	24.557.883.091	49.637.671.567	50.138.654.488	88.183.252.396
12. Thu nhập khác	31		1.962.420.626	1.324.740.551	17.647.548.752	2.665.738.558
13. Chi phí khác	32	6.6	1.006.311.700	1.124.871.216	12.760.075.184	2.638.767.222
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		956.108.926	199.869.335	4.887.473.568	26.971.336
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.513.992.017	49.837.540.902	55.026.128.056	88.210.223.732
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.163.312.178	10.823.596.305	11.066.352.921	18.794.701.965
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(400.859.023)	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		20.751.538.862	39.013.944.597	43.959.775.135	69.415.521.767
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.070.949.971	38.848.321.405	42.307.933.168	68.352.029.303
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		680.588.891	165.623.192	1.651.841.967	1.063.492.464
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	277,43	571,30	587,70	1.005,18

1053349
Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2015



Tạ Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý III năm 2015

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.026.128.056	88.210.223.732
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.281.533.325	14.894.606.628
- Các khoản dự phòng	03	864.732.490	(562.635.945)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(2.738.606)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(31.663.144.152)	(47.043.843.138)
- Chi phí lãi vay	06	3.249.323.036	370.433.889
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	44.758.572.755	55.866.046.560
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(402.815.166.686)	(51.303.492.260)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(63.239.292.219)	(30.289.936.739)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	144.195.182.424	46.269.648.626
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.346.467.024)	724.691.432
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(54.959.332.344)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.249.323.036)	(365.942.223)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.974.129.291)	(14.810.386.720)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	404.340.210	87.168.043.295
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.326.483.284)	(31.640.071.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	(345.552.098.495)	61.618.600.249
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(33.068.083.531)	(9.891.446.754)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.230.348.505	106.392.170
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(110.317.388.500)	(2.644.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.000.000.000	32.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.339.638.000)	(106.150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	214.546.721.401	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.948.366.917	1.859.951.377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	106.000.326.792	(84.519.103.207)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	412.672.652.905	66.052.935.955
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(159.299.936.851)	(52.824.208.815)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	253.372.716.054	13.228.727.140
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	13.820.944.351	(9.671.775.818)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.452.072.713	26.588.258.309
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	2.738.606
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	25.273.017.064	16.919.221.097

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2015



Tạ Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

MÃ B 09-DN/HN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ “Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt” thành “Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất”, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 10 số 0105334948 vào ngày 20 tháng 07 năm 2015.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

Ngành, nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa...

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tháp CEO, HH2-1 Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt	13.556.440.063	5.709.015.545
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.716.577.001	5.743.057.168
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>25.273.017.064</u>	<u>11.452.072.713</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	30/9/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	64.707.933.349	64.706.095.834	1.837.515	9.748.601.005	8.882.031.000	866.570.005
Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu (VFR)	-	-	-	5.362.031.000	5.362.031.000	-
Công ty CP phân bón Miền Nam (SFG)	-	-	-	4.386.570.005	3.520.000.000	866.570.005
Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ (TTB)	5.017.515	3.180.000	1.837.515	-	-	-
Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi – Villico (VLC)	64.702.915.834	64.702.915.834	-	-	-	-
Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu:						
+ Về số lượng	-	-	-	-	-	-
+ Về giá trị	-	-	-	-	-	-
Cộng				9.748.601.005	8.882.031.000	866.570.005

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/9/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Dài hạn	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/9/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	72.270.445.887	72.270.445.887	116.912.890.759	116.912.890.759
Công ty CP Granite Phú Yên	-	-	75.355.244.410	75.355.244.410
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	72.270.445.887	72.270.445.887	41.557.646.349	41.557.646.349
Đầu tư vào đơn vị khác	128.100.000.000	128.100.000.000	87.000.000.000	87.000.000.000
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	79.500.000.000	87.000.000.000	87.000.000.000
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000	30.600.000.000	-	-
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-
Cộng	200.370.445.887	200.370.445.887	203.912.890.759	203.912.890.759

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Số 52, Phạm Văn Đồng, Thị trấn Núi Thành, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	90,00%	90,00%
Công ty CP Vật Liệu XD Thống Nhất Miền Trung	Thôn 1, xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	52,46%	52,46%
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất	Thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	95,00%	95,00%
Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	100,00%	65,00%
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	100,00%	100,00%

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty TNHH MTV Tradding Thống Nhất	Tầng 2, tháp CEO, lô HH2-1, KĐT mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần xây dựng Hạ tầng Thống Nhất	Số 38, đường 18, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty CP Vật tư NN Thống Nhất Tây Nguyên	Cụm công nghiệp – tiêu thụ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	100,00%	65,00%

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

Tên Công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty CP Thực Phẩm Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng	35,00%	35,00%

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

Tên Công ty

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty TNHH Thống Nhất	Quảng Trị	15,50%	15,50%
Công ty CP Granite Phú Yên	Sông Cầu - Phú Yên	17,00%	17,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

3. Phải thu của khách hàng

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	575.013.851.638	259.035.877.933
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	16.089.480.000	-
Cộng	<u>591.103.331.638</u>	<u>259.035.877.933</u>

4. Phải thu khác

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	121.060.443.662	140.644.613.498
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	263.888.889	2.004.894.107
Phải thu tiền bán cổ phần	10.500.000.000	106.900.000.000
Ký cược, ký quỹ	36.449.941.772	816.481.090
Tạm ứng	27.395.314.227	30.139.313.415
Phải thu khác	46.451.298.774	783.924.886
Dài hạn	30.000.000.000	-
Cộng	<u>151.060.443.662</u>	<u>140.644.613.498</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>30/9/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.083.009.333	-	19.289.338.033	-
Công cụ, dụng cụ	812.828.365	-	692.506.629	-
Chi phí SX, KD dở dang	35.804.630.280	-	37.458.876.867	-
Thành phẩm	16.448.891.712	-	26.222.937.239	-
Hàng hóa	57.535.002.443	-	3.781.411.146	-
Cộng	<u>150.684.362.133</u>	<u>-</u>	<u>87.445.069.914</u>	<u>-</u>

6. Chi phí trả trước

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	4.109.090.775	119.529.330
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.109.090.775	91.502.043
Chi phí đi vay	-	-
Các khoản khác	-	28.027.287
Dài hạn	4.142.554.359	5.785.648.780
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.825.637.152	2.722.314.436
Tiền thuê đất	1.316.917.207	2.674.153.420
Các khoản khác	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	95.643.508.532	155.370.988.270	3.491.129.555	543.580.728	3.200.267.112	258.249.474.197
Tăng trong kỳ	24.818.378.374	4.179.354.354	4.583.301.909	41.300.000	-	33.622.334.637
Giảm trong kỳ	4.008.181.816	630.030.137	1.240.697.242	-	163.636.364	6.042.545.559
Số cuối kỳ	116.453.705.090	158.920.312.487	6.833.734.222	584.880.728	3.036.630.748	285.829.263.275
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	8.357.208.140	21.728.818.672	1.099.062.355	166.031.882	910.989.216	32.262.110.265
Tăng trong kỳ	4.595.971.598	11.805.247.611	406.913.073	82.339.359	455.494.608	17.345.966.249
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	4.595.971.598	11.740.814.687	406.913.073	82.339.359	455.494.608	17.281.533.325
<i>Tăng khác</i>	-	64.432.924	-	-	-	64.432.924
Giảm trong kỳ	444.444.444	-	869.752.612	-	-	1.314.197.056
Số cuối kỳ	12.508.735.294	33.534.066.283	636.222.816	248.371.241	1.366.483.824	48.293.879.458
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	87.286.300.392	133.642.169.598	2.392.067.200	377.548.846	2.289.277.896	225.987.363.932
Số cuối kỳ	103.944.969.796	125.386.246.204	6.197.511.406	336.509.487	1.670.146.924	237.535.383.817

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	-	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	21.666.671	21.666.671
Tăng trong kỳ	-	15.000.003	15.000.003
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	<i>15.000.003</i>	<i>15.000.003</i>
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	36.666.674	36.666.674
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	78.333.329	78.333.329
Số cuối kỳ	-	63.333.326	63.333.326

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

9. Vay và nợ thuế tài chính**9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	01/01/2015		Trong kỳ		30/9/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	30.681.888.189	30.681.888.189	412.672.652.905	159.299.936.851	284.024.604.243	284.024.604.243
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	30.681.888.189	30.681.888.189	412.672.652.905	159.299.936.851	284.024.604.243	284.024.604.243

9.2 Các khoản nợ thuế tài chính

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Vay ngắn hạn từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

9.3 Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/9/2015		01/01/2015	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	-	-	-	-
Nợ thuế tài chính	-	-	-	-
Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

10. Phải trả người bán

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	266.864.024.726	154.438.469.747
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng	266.864.024.726	154.438.469.747
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	266.864.024.726	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
	-	-

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.476.727.843	1.288.906.023
Thuế xuất, nhập khẩu	10.244.157	24.787.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.618.600.025	16.526.376.395
Thuế thu nhập cá nhân	-	79.328.034
Các k. phí, lệ phí và các k. p.nộp khác	-	131.585.729
Cộng	22.105.572.025	18.050.983.779

12. Chi phí phải trả

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	2.765.478.913	66.536.635
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí đi vay	-	-
Các khoản khác	2.765.478.913	66.536.635
Dài hạn	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí mua bảo hiểm	-	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	2.765.478.913	66.536.635

13. Phải trả khác

	<u>30/9/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	17.482.586.585	-
Kinh phí công đoàn	35.892.918	67.580.584
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	157.605.067	162.887.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.289.088.600	4.232.191.067
Dài hạn	-	-
Cộng	17.482.586.585	4.462.658.762

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

14. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	680.000.000.000	27.624.686.024	707.624.686.024
Tăng trong năm	-	87.532.221.313	87.532.221.313
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	86.456.120.446	86.456.120.446
Tăng khác do hợp nhất	-	1.076.100.867	1.076.100.867
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư đầu năm nay	680.000.000.000	115.156.907.337	795.156.907.337
Tăng trong kỳ	68.000.000.000	42.307.933.168	42.307.933.168
Tăng vốn trong kỳ	68.000.000.000	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	42.307.933.168	42.307.933.168
Giảm trong kỳ	-	(68.154.384.977)	(68.154.384.977)
Giảm khác	-	(154.384.977)	(154.384.977)
Phân phối lợi nhuận	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Số cuối kỳ	748.000.000.000	89.310.455.528	837.310.455.528

Cổ phiếu

	30/9/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.000.000	68.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.000.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.000.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu	711.618.774.231	140.476.443.494	1.600.748.825.714	343.328.364.775
Doanh thu bán hàng	690.638.460.049	126.483.236.383	1.559.889.142.108	283.435.160.305
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	623.571.680	97.267.695	4.950.000.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.980.314.182	13.369.635.431	40.762.415.911	54.943.204.470
Doanh thu đối với các bên LQ	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ DT	-	96.535.046	21.936.900	157.074.025

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng bán	667.113.958.096	118.449.594.975	1.525.846.455.396	260.322.870.581
Giá vốn dịch vụ	-	428.706.248	91.330.495	3.232.329.474
Giá vốn xây dựng	20.731.781.632	12.729.081.734	38.365.106.512	42.671.749.975
Cộng	687.845.739.728	131.607.382.957	1.564.302.892.403	306.226.950.030

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	658.628.957	692.360.361	1.948.366.917	2.867.429.138
Lãi bán các khoản đầu tư	11.361.739.258	44.359.992.500	31.149.038.258	60.144.068.624
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.287.591	2.738.606	74.535.417	5.653.006
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	459.435	-
Cộng	12.051.655.806	45.055.091.467	33.172.400.027	63.017.150.768

4. Chi phí tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền vay	1.038.735.636	207.700.388	3.249.323.036	370.433.889
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	267.691.018	-	1.434.261.023	1.435.326.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.294.803	41.940.821	88.957.569	42.675.658
Chi phí tài chính khác	-	2.609.529	83.787.961	197.747.432
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	180.000	-	(864.732.490)	(562.635.945)
Cộng	1.334.901.457	252.250.738	3.991.597.099	1.483.547.284

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình, Đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

5. Thu nhập khác

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	322.515.318		11.300.985.455	
Lãi do đánh giá lại tài sản				
Tiền phạt thu được				
Thuế được giảm				
Thu nhập từ cho thuê tài sản				
Các khoản khác	1.639.905.308	1.324.740.551	6.346.563.297	2.665.738.558
Cộng	1.962.420.626	1.324.740.551	17.647.548.752	2.665.738.558

6. Chi phí khác

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.559.240		7.489.294.172	
Lỗ do đánh giá lại tài sản				
Các khoản bị phạt				
Các khoản khác	1.003.752.460	1.124.871.216	5.270.781.012	2.638.767.222
Cộng	1.006.311.700	1.124.871.216	12.760.075.184	2.638.767.222

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	3.695.055.100	2.638.454.372	10.371.459.543	7.107.264.332
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	3.121.859.758	1.121.497.689	4.932.230.080	2.342.553.045
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-
Cộng	6.816.914.858	3.759.952.061	15.303.689.623	9.449.817.377

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.361.582.407	20.104.093.697	104.635.638.661	53.842.269.384
Chi phí nhân công	4.442.811.333	3.956.299.758	14.165.099.082	13.007.490.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.235.817.927	4.874.792.278	17.281.533.325	14.894.606.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.725.410.782	33.777.288.263	12.496.446.518	67.169.210.856
Chi phí khác bằng tiền	3.917.310.319	1.650.443.580	4.852.975.127	2.577.130.303
Cộng	68.682.932.768	64.362.917.576	153.431.692.713	151.490.708.104

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.513.992.017	49.837.540.902	55.026.128.056	88.210.223.732
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.163.312.178	10.823.596.305	11.066.352.921	18.794.701.965

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế	20.751.538.862	38.848.321.405	43.959.775.135	68.352.029.303
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.751.538.862	38.848.321.405	43.959.775.135	68.352.029.303
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	74.800.000	68.000.000	74.800.000	68.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	277,43	571,30	587,70	1.005,18

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung

Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung

Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất

Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất

Công ty cổ phần Hạ tầng Thống Nhất

Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất

Công ty TNHH MTV Tradding Thống Nhất

Công ty CP Vật tư NN TN Tây Nguyên

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Hoạt động bán hàng (bao gồm bán hàng hóa: đồ gia dụng, nông, lâm sản nguyên liệu, phân bón và sản phẩm nông hóa) và hoạt động xây dựng. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận kinh doanh này

	Thương mại	Xây dựng	Dịch vụ	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ bán hàng	1.559.867.205.208	40.762.415.911	97.267.695	1.600.726.888.814
Giá vốn của hàng hóa đã bán	(1.525.846.455.396)	(38.365.106.512)	(91.330.495)	(1.564.302.892.403)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	34.020.749.812	2.397.309.399	5.937.200	36.423.996.411
Chi phí không phân bổ				(15.303.689.623)
Doanh thu tài chính				33.172.400.027
Chi phí tài chính				(3.991.597.099)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(162.455.228)
Thu nhập khác				17.647.548.752
Chi phí khác				(12.760.075.184)
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN				55.026.128.056
Chi phí thuế TNDN				(11.066.352.921)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				43.959.775.135
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	563.408.319.296	27.695.012.342	-	591.103.331.638
Tài sản không phân bổ				935.757.750.977
Tổng tài sản				1.526.861.082.615
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	236.341.816.086	30.522.208.640	-	266.864.024.726
Nợ phải trả không phân bổ				350.488.184.992
Tổng nợ phải trả				617.352.209.718

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại 03 khu vực theo địa chỉ trụ sở của Công ty và các Công ty con như sau:

Thành phố Hà Nội: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất, Công ty cổ phần Xây dựng Hạ tầng Thống Nhất, Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Tỉnh Quảng Nam: Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung và Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Thống nhất Miền Trung.

Tỉnh Quảng Bình: Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.273.017.064	11.452.072.713
Đầu tư ngắn hạn	64.706.095.834	8.882.031.000
Phải thu khách hàng	591.103.331.638	259.035.877.933
Các khoản phải thu khác	121.060.443.662	140.644.613.498
Cộng	802.142.888.198	420.014.595.144
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	284.024.604.243	30.681.888.189
Phải trả người bán	266.864.024.726	154.438.469.747
Cộng	550.888.628.969	185.120.357.936

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng,..).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng); chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai thác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	284.024.604.243	-	-	284.024.604.243
Phải trả người bán	266.864.024.726	-	-	266.864.024.726
Cộng	550.888.628.969	-	-	550.888.628.969
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	25.273.017.064	-	-	25.273.017.064
Đầu tư ngắn hạn	64.706.095.834	-	-	64.706.095.834
Phải thu khách hàng	591.103.331.638	-	-	591.103.331.638
Các khoản phải thu khác	121.060.443.662	-	-	121.060.443.662
Cộng	802.142.888.198	-	-	802.142.888.198
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ	251.254.259.229	-	-	251.254.259.229
Số đầu kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	30.681.888.189	-	-	30.681.888.189
Phải trả người bán	154.438.469.747	-	-	154.438.469.747
Cộng	185.120.357.936	-	-	185.120.357.936
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	11.452.072.713	-	-	11.452.072.713
Đầu tư ngắn hạn	8.882.031.000	-	-	8.882.031.000
Phải thu khách hàng	259.035.877.933	-	-	259.035.877.933
Các khoản phải thu khác	140.644.613.498	-	-	140.644.613.498
Cộng	420.014.595.144	-	-	420.014.595.144
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ	234.894.237.208	-	-	234.894.237.208

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2015



TẠ VĂN QUYỀN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu